

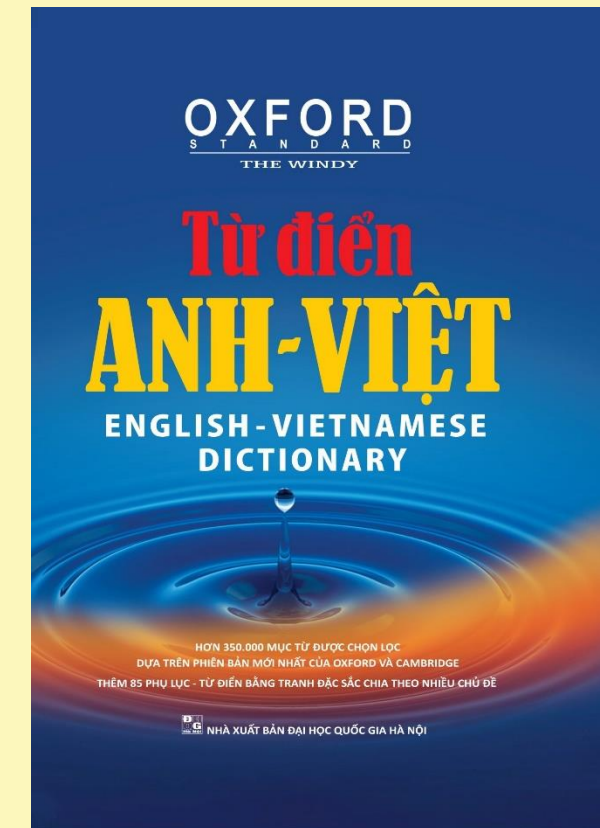
# 7 KHỞI ĐỘNG



Mẹ tôi thân béo, gầy tròn  
Mẹ tài nhờ có nghìn con tuyệt vời  
Mấy người muốn hiểu mẹ tôi  
Quen biết cả đời mà dễ hiểu đâu  
Là cái gì?



**Từ điển**

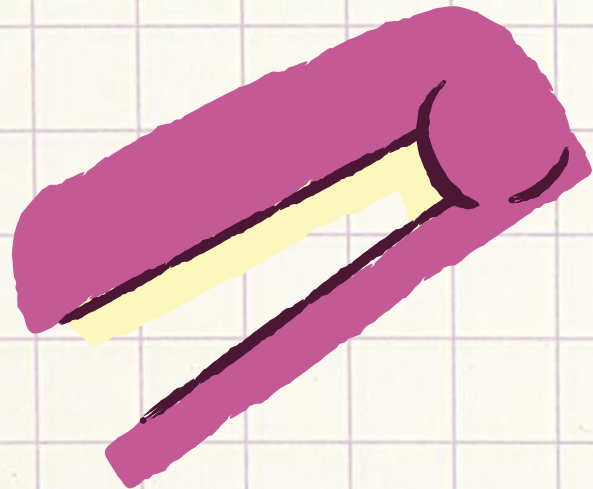
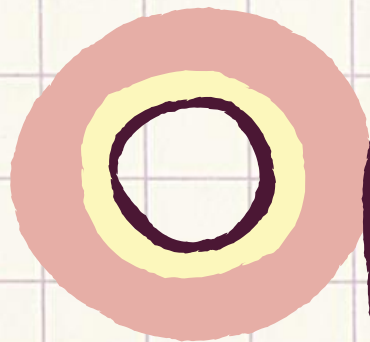
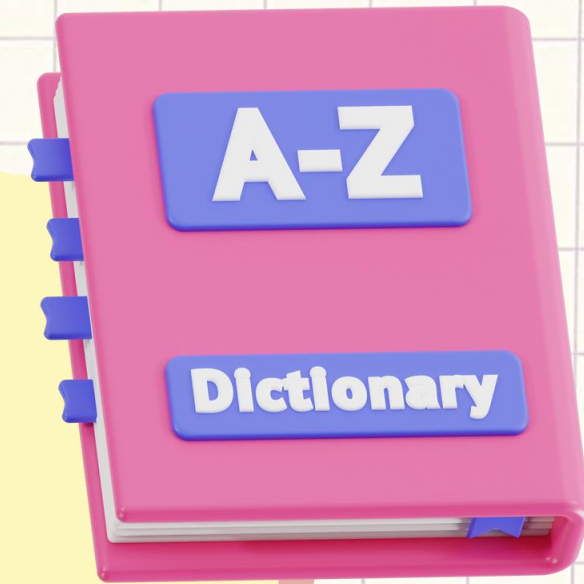
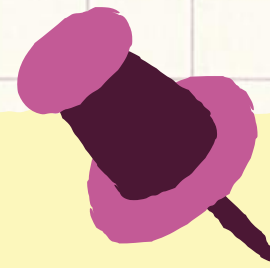


**TIẾNG VIỆT 5**

# SỬ DỤNG TỪ ĐIỂN

**A-Z**

**Dictionary**

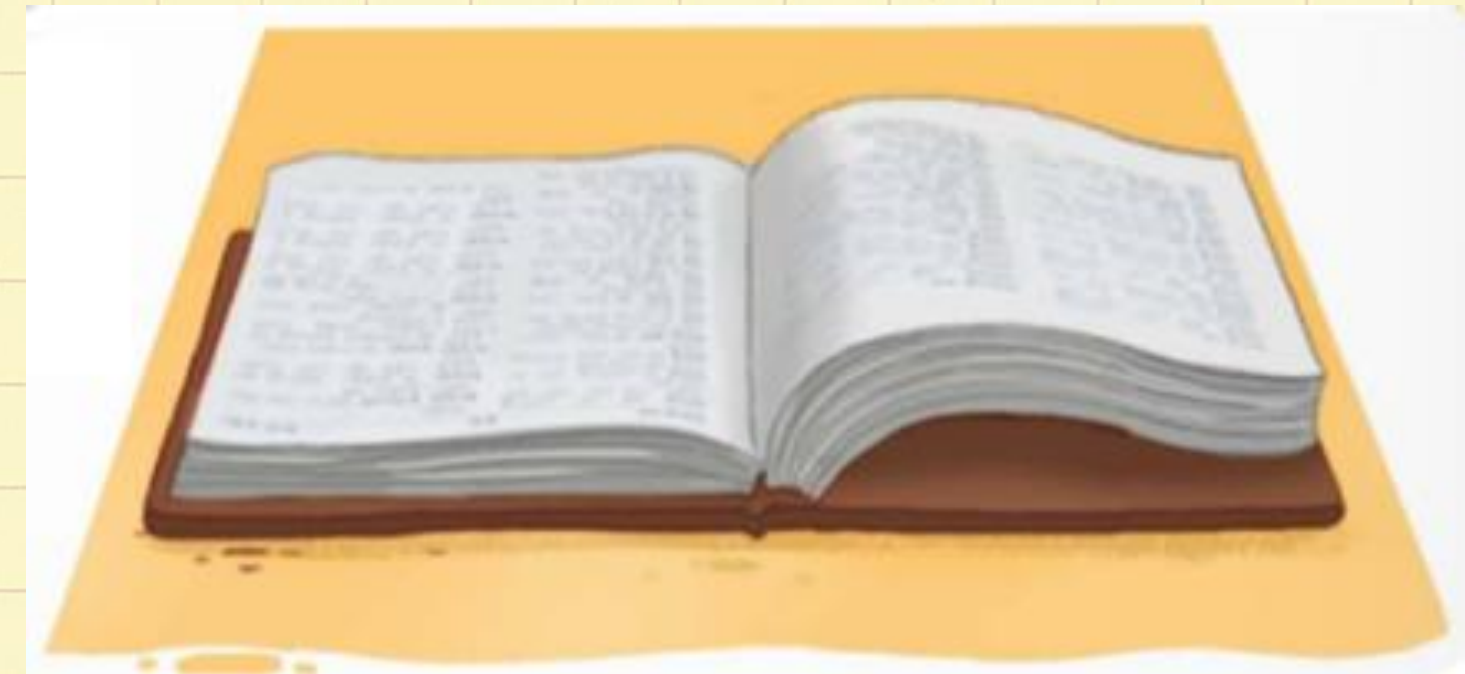


KHÁM  
PHÁ



# Bài 1: Sắp xếp các bước ở bài tập 1 theo trình tự tra cứu nghĩa của từ trong từ điển.

- a. Tìm từ *đọc*.
- b. Tìm mục từ bắt đầu bằng chữ Đ.
- c. Chọn từ điển phù hợp.
- d. Đọc ví dụ để hiểu thêm ý nghĩa và cách dùng từ *đọc*.
- e. Đọc nghĩa của từ *đọc*.





# Các bước theo trình tự tra cứu nghĩa của từ trong từ điển

**a. Chọn từ điển phù hợp**

**b. Tìm mục từ bắt đầu bằng chữ Đ.**

**c. Chọn từ phù hợp.**

**d. Đọc ví dụ để hiểu thêm ý nghĩa và cách dùng từ đọc.**

**e. Đọc nghĩa của từ đọc**



## 2. Đọc các thông tin về từ đọc trong từ điển dưới đây và trả lời câu hỏi

**Động từ**

**Nghĩa thứ nhất (nghĩa gốc)**

**Ví dụ về cách dùng từ**

**đọc** *đqt.* **1.** Phát thành lời những điều đã được viết ra theo đúng trình tự: *Đọc bài thơ. Đọc thuộc lòng.* **2.** Tiếp nhận nội dung của một tập hợp kí hiệu bằng cách nhìn vào các kí hiệu: *Đọc bản thiết kế.* **3.** Thu lấy thông tin từ một thiết bị lưu trữ của máy tính (như đĩa từ, đĩa CD, v.v.): *Đĩa bị lỗi nên không đọc được.* **4.** Hiểu rõ điều gì bằng cách nhìn vào những biểu hiện bên ngoài: *Đọc được suy nghĩ của người khác.*

(Theo Thành Yển, Từ điển tiếng Việt dành cho học sinh)

Từ **đọc** là động từ.

**a. Từ *đọc* là danh từ, động từ hay tính từ?**

Động từ

Ví dụ  
về cách  
dùng từ

**đọc** *đqt.* **1.** Phát thành lời những điều đã được viết ra theo đúng trình tự. *Đọc bài thơ. Đọc thuộc lòng.* **2.** Tiếp nhận nội dung của một tập hợp kí hiệu bằng cách nhìn vào các kí hiệu: *Đọc bản thiết kế.* **3.** Thu lấy thông tin từ một thiết bị lưu trữ của máy tính (như đĩa từ, đĩa CD, v.v.): *Đĩa bị lỗi nên không đọc được.* **4.** Hiểu rõ điều gì bằng cách nhìn vào những biểu hiện bên ngoài: *Đọc được suy nghĩ của người khác.*

Nghĩa thứ nhất  
(nghĩa gốc)

Nghĩa gốc của từ  
đọc là nghĩa số 1:  
**Phát thành lời  
những điều đã  
được viết ra theo  
đúng trình tự.**

(Theo Thành Yển, Từ điển tiếng Việt dành cho học sinh)

**b. Nghĩa gốc của từ *đọc* là gì?**

Động từ

Ví dụ  
về cách  
dùng từ

**đọc** *đqt.* 1. Phát thành lời những điều đã được viết ra theo đúng trình tự: **Đọc bài thơ. Đọc thuộc lòng.** 2. Tiếp nhận nội dung của một tập hợp kí hiệu bằng cách nhìn vào các kí hiệu: *Đọc bản thiết kế.* 3. Thu lấy thông tin từ một thiết bị lưu trữ của máy tính (như đĩa từ, đĩa CD, v.v.): *Đĩa bị lỗi nên không đọc được.* 4. Hiểu rõ điều gì bằng cách nhìn vào những biểu hiện bên ngoài: *Đọc được suy nghĩ của người khác.*

Nghĩa thứ nhất  
(nghĩa gốc)

Từ đọc có 3 nghĩa chuyển (các nghĩa số 2,3,4) các ví dụ về cách sử dụng phần in nghiêng sau mỗi nghĩa

(Theo Thành Yển, Từ điển tiếng Việt dành cho học sinh)

**c. Từ đọc có mấy nghĩa chuyển?**

Động từ

Ví dụ  
về cách  
dùng từ

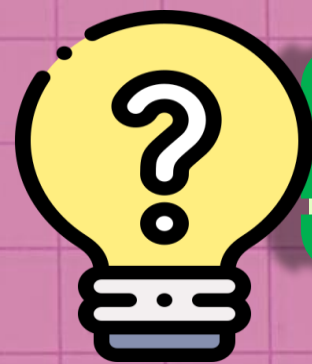
**đọc** *đqt.* **1.** Phát thành lời những điều đã được viết ra theo đúng trình tự: **Đọc bài thơ. Đọc thuộc lòng.** **2.** Tiếp nhận nội dung của một tập hợp kí hiệu bằng cách nhìn vào các kí hiệu: *Đọc bản thiết kế.* **3.** Thu lấy thông tin từ một thiết bị lưu trữ của máy tính (như đĩa từ, đĩa CD, v.v.): *Đĩa bị lỗi nên không đọc được.* **4.** Hiểu rõ điều gì bằng cách nhìn vào những biểu hiện bên ngoài: *Đọc được suy nghĩ của người khác.*

Nghĩa thứ nhất  
(nghĩa gốc)

**Những gốc và nghĩa chuyển của từ được sắp xếp như sau:**  
Nghĩa gốc được xếp đầu tiên, sau đó là các nghĩa chuyển. Với nghĩa chuyển, nghĩa nào có nghĩa sát với nghĩa gốc nhất thì xếp trước.

(Theo Thành Yển, Từ điển tiếng Việt dành cho học sinh)

**d. Nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ được sắp xếp như thế nào?**



### 3. Tra cứu nghĩa của các từ dưới đây:

Học tập

Tập trung

trôi chảy

## ***học tập: đgt:***

- ✓ học và luyện tập để hiểu biết, để có kĩ năng, có tri thức kết quả học tập; siêng năng học tập.
- ✓ làm theo gương tốt: học tập lẫn nhau; học tập kinh nghiệm

## ***tập trung: đgt:***

- ✓ Dồn vào một chỗ hoặc một điểm: tập trung đồ đạc vào một chỗ; mọi người đã tập trung đông đủ (Đồng nghĩa: tập kết; Trái nghĩa: giải tán).
- ✓ Dồn sức hoạt động, hướng các hoạt động vào một việc gì: tập trung tư tưởng; tập trung giải quyết đơn từ tồn đọng

***trôi chảy: đgt:***

- ✓ (công việc) được tiến hành thuận lợi, không bị vấp vấp, trở ngại gì: mọi việc đều trôi chảy; công việc được tiến hành rất trôi chảy (Đồng nghĩa: suôn sẻ, trót lọt).
- ✓ (hoạt động nói năng) được tiến hành một cách dễ dàng, không có vấp vấp: đọc rất trôi chảy; trả lời trôi chảy (Đồng nghĩa: lưu loát).

## 4. Đặt câu với 1 nghĩa chuyển của mỗi từ ở bài tập 3.

- Thầy cô dạy em học tập theo gương Bác Hồ, chăm chỉ, khiêm tốn.
- Bố em tập trung làm việc suốt đêm.
- Giọng đọc của diễn viên rất trôi chảy.



VÂN  
DUNG



Five diverse cartoon children are standing behind a large green chalkboard. From left to right: a girl with dark skin and curly hair wearing large blue-rimmed glasses and a yellow shirt; a boy with red hair wearing a black shirt; a boy with black hair wearing a blue shirt; a boy with dark skin and curly hair wearing a red shirt with a white collar; and a girl with blonde hair in pigtails wearing large black-rimmed glasses and a blue shirt. They are all smiling and looking towards the camera. The background is a bright green field with rolling hills and a pink sky with white clouds. A small white flower is visible in the bottom right corner of the field.

Đi nhanh – Đi đúng

# LUẬT CHƠI

- + GV chọn một số từ ngữ gốc và yêu cầu chuyển thành nghĩa chuyển
- + Chia lớp thành 2 nhóm, của một số đại diện tham gia (nhất là những em còn yếu)
- + Yêu cầu các nhóm cùng nhau được nghĩa chuyển của từ đó.



TẠM BIỆT VÀ

HẸN GẶP LẠI

